

ĐẠO VÀ ĐỜI VỚI TRUYỀN THỐNG NHÂN VĂN VIỆT NAM

HỒ BÁ THÂM*

I. ĐẠO VÀ ĐỜI TUY MỘT MÀ HAI, TUY HAI MÀ MỘT - CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN CAO QUÝ

Đạo và *Đời* thường được nhìn nhận như hai thế giới, hai cộng đồng xã hội hoàn toàn khác nhau, có khi mâu thuẫn, khác biệt, đối lập nhau. Thậm chí có khi do hiểu lầm hay không hiểu, hoặc bị các thế lực xấu kích động, mối quan hệ này bị tuyệt đối hóa mất cách biệt thành đối lập, đối kháng mà phần nhiều do nguyên nhân bên ngoài⁽¹⁾.

Đạo ở đây chủ yếu không chỉ nói đường đi, mà là một phạm trù tín ngưỡng và tôn giáo. *Đời* ở đây cũng không chỉ nói cuộc đời mà chủ yếu là phạm trù trần thế, vật chất hữu hình. *Đời* là cuộc sống trần gian có hạn, còn *Đạo* là cuộc sống phi trần thế mang tính vô hạn. *Đời* là cuộc sống thuộc về hữu hình, vật lí - sinh vật, còn *Đạo* là cuộc sống vô hình, mang tính tinh thần, tâm linh. *Đời* là cuộc sống tạm thời, *Đạo* là cuộc sống vĩnh cửu. *Đời* là hiện thực, *Đạo* là tưởng tượng, mơ mộng. *Đời* là khổ đau, vất vả, có thiện nhưng cũng có ác, còn *Đạo* là thế giới mộng ảo, cơ bản là hướng thiện... Tuy vậy, ta thấy Cộng đồng có *Đạo* vẫn sống cuộc sống của *Đời*, cũng ăn uống, sinh con đẻ cái, cũng làm lụng vất vả. Ngày nay, có nhà chùa như chùa Liên Hoa ở TP. Hồ Chí Minh đã vận động Phật tử không đốt vàng mã khi đến chùa, hạn chế đốt hương để dùng số tiền mua những thứ ấy vào việc ủng hộ những người có số phận nghèo khó, bệnh tật, cô đơn, thất học, tức là làm việc thiện, vì cuộc sống hiện tại hơn là hướng tới thế giới tâm linh nào đó vô hình, không rõ ràng, kém thiết thực. Đó là việc làm rất *Đạo* và cũng rất *Đời*.

Còn cộng đồng người không có *đạo* vẫn sống cuộc sống có *đạo*, tức có tín ngưỡng riêng, cũng quan tâm tới cõi âm, tới tâm linh, hướng thiện. Tín ngưỡng

* TS. Viện Nghiên cứu Xã hội, Thành ủy TP. Hồ Chí Minh.

là cái chung cho cả Đạo và Đời cũng như sinh tồn, hiện hữu là chung cho cả Đời và Đạo.

Trong lịch sử dân tộc và lịch sử tư tưởng Việt Nam, chúng ta thấy sáng tỏ quan niệm tốt Đời đẹp Đạo, lợi Đạo ích Đời. Phật giáo vốn xuất thế nhưng khi nhu nhập vào Việt Nam lại hướng mạnh vào nhập thế, lo việc nước, việc đời từ thời Lý - Trần. Nho giáo vốn lo việc đời là chính nhưng rồi cũng hướng tới cái đạo, cái tâm linh và trở thành một đạo gần như tôn giáo hay có tính tôn giáo. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam là cái đời rất thực và cao cả nhưng rồi cũng được linh hóa, thiêng hóa, đạo hóa, thành Đạo Nhà. Tại đất nước Việt Nam, các đạo đã “đồng nguyên” ở chủ nghĩa nhân văn cao cả dù rõ ràng hay mờ ảo, dù hiện thực hay mộng ảo nhưng nhìn chung đều có lợi cho con người, đời người trong cuộc sống giữa hai cõi nhân sinh thực và mộng. Nói rộng hơn, ở đây, Đạo - Đời cũng đồng nguyên, chứ không “đa nguyên”.

Nhìn một cách khái quát, trong thời hiện đại, không chỉ Tam giáo (Nho, Phật, Đạo) mà cả chủ nghĩa Mác - Lênin, từ cái nhìn của chủ nghĩa nhân văn, cũng đồng nguyên. Có một thời, chúng ta chỉ nhấn mạnh cái khác biệt, đối lập, cái duy lý nên đã đối lập chủ nghĩa Mác - Lênin với tôn giáo và tín ngưỡng, tâm linh mà không thấy cái tương đồng. Bây giờ thời thế đã khác, nhận thức có nhiều thay đổi, nhận thức trở nên toàn diện, biện chứng hơn, mang tính tích hợp, tổng hợp hay phức hợp, đa chiều hơn, chúng ta vừa tôn trọng cả cái khác biệt vừa tôn trọng cả cái tương đồng mà tương đồng, đồng nguyên là cơ bản. Mà không chỉ Tam giáo hay Ngũ giáo đồng nguyên mà Đạo - Đời đồng nguyên, một chia hai, hai hợp một, thống nhất các mặt đối lập trong bản chất con người, giữa cá nhân và cộng đồng, Nhà - Làng - Nước, các tộc người và giai tầng xã hội đều *đồng nguyên* và *đại đoàn kết toàn dân*. Đồng nguyên, đồng thuận, đại đoàn kết đều trên nguyên tắc vì một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng - dân chủ - đoàn kết - văn minh, gia đình hạnh phúc. Nói rộng ra là hướng tới một thế giới hòa bình, hợp tác, an sinh và tiến bộ, phát triển bền vững, thế giới đại đồng. Cho nên mới có *Kính Chúa yêu Nước, sống phúc âm giữa lòng dân tộc, để phục vụ hạnh phúc của đồng bào*; hoặc *Đạo pháp, Dân tộc, Chủ nghĩa xã hội*. Tất cả đều có mẫu số chung là chủ nghĩa nhân bản, nhân đạo, nhân văn cao cả. Sinh thời, Hồ Chí Minh đã đi đầu trong việc phát huy và phát triển tư tưởng tích hợp Đạo - Đời. Và tinh thần Hồ Chí Minh đã trở thành tinh thần thời đại.

Như đã nói ở trên, vấn đề chủ yếu của thế giới hiện nay không phải duy tâm hay duy vật, vô thần hay hữu thần mà là hòa bình, an toàn môi sinh, lành mạnh, tiến bộ, giàu có, công bằng, dân chủ và hạnh phúc.

Mục tiêu cụ thể nhưng có tính chiến lược to lớn của nhân loại mang tính nhân văn cao cả của thiên niên kỷ này, đến năm 2052, theo *Báo cáo về chương trình Thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc* (2002), có bốn nhóm, xếp theo tầm quan trọng như sau:

1. *Chấm dứt nạn thiếu nước, và ô nhiễm nguồn nước; chấm dứt nạn đói, thiết lập các hệ kinh tế, có thể cung cấp việc làm cho mọi người, nghĩa là chấm dứt cảnh nghèo. Tóm lại là phải hết đói và nghèo.*

2. Cung cấp dồi dào năng lượng sạch; loại trừ xong vũ khí giết người hàng loạt; xóa tận gốc sự chia rẽ tôn giáo, dân tộc, để chung sống hòa bình.

3. Chấm dứt nạn nô lệ; hòa bình thế giới được đảm bảo bởi một Liên Hợp Quốc đã cải tổ, có hiệu lực; phát thải khí ô nhiễm hầu như chấm dứt và nền sản xuất hầu như hoàn toàn tái chế.

4. Mọi người được phục vụ bảo vệ sức khỏe toàn diện; chấm dứt mọi hình thức tội ác có tổ chức; xóa bỏ cơ bản nạn tham nhũng.

Theo Vũ Đình Cự, “bài toán cực kì khó khăn đã được tìm ra hình dáng ban đầu của nghiệm tối ưu...”, dù có quanh co trên đường đạt mục tiêu, nhưng “những định hướng thời đại mà lịch sử đã đặt ra vì nó có điều kiện để biến nguyện vọng thành hiện thực. Thế lực nào chống đối, đi ngược lại các định hướng đó chứng tỏ nó đã không còn lí do tồn tại và sẽ bị thời đại vượt qua”. “Việc thực hiện định hướng thời đại là một cuộc cách mạng to lớn mà nhân loại sẽ trải qua trong thời kì quá độ vĩ đại”⁽²⁾.

Đạo hay Đời, bất kể tôn giáo nào, dân tộc nào, quốc gia nào, giai tầng xã hội nào cũng phải hướng tới thực hiện những định hướng mục tiêu nhân văn hiện thực ấy thì mới có đồng thuận và tiến bộ bền vững. Thiên Đường trước hết phải ở ngay trần gian, nếu không thì vô nghĩa và không có tiền đề cho “thế giới bên kia”. Trần gian hướng tới Thiên Đường nhưng vẫn sống trong trần gian là chủ yếu. Đúng như câu kệ của Huệ Chi: “Không thể xa rời thế gian để trở thành Phật. Nếu như xa rời thế gian mà thành Phật chẳng khác gì đi tìm sừng của con hổ”.

Chính cuộc sống trần gian đã sáng tạo ra mọi của cải vật chất và tinh thần mà không có nó thì không có cuộc sống con người, không có tiến bộ xã hội. Nếu tuyệt đối hóa sự ở trần gian là tạm thời thì sẽ trở nên tiêu cực khi nói về thế giới bên kia, cuộc sống của Đạo khi hướng tới. Nhưng nếu không thấy cuộc sống tôn giáo tín ngưỡng, tự nó có tác dụng tích cực khi làm cho cái chết của con người nhẹ nhàng hơn khi tin về nơi vĩnh hằng và từ niềm tin ấy mà con người có thêm sức mạnh sáng tạo, có thêm những công trình văn hóa cho “linh hồn bất tử”, cho “thần thánh”, và những hình thức sinh hoạt văn hóa tâm linh thú vị góp phần vào bản sắc văn hóa dân tộc, làm nên một diện mạo văn hóa dân tộc với tinh thần nhân văn.

Dù Đạo là thiêng liêng và đích hướng tới là cuộc sống vĩnh hằng sau khi chết thì cuộc đời trần gian đang sống và đang hưởng hạnh phúc, vẫn là cái chính yếu và hiện thực không nên coi nhẹ. Vì không có thế giới bên này thì không có thế giới bên kia, không có đời sống hiện hữu, cụ thể trần thế thì không có thế giới tâm linh thiêng liêng. Có “tu nhân, tích đức” thì mới có hạnh phúc sau này ở Thiên Đường, nếu không sẽ phải xuống Địa Ngục. Những ai ăn chay niệm Phật, cầu Chúa ban phúc lành mà không làm điều tốt đẹp ở trần gian, không tốt Đời thì làm sao đẹp Đạo được. Làm điều ác thì sẽ gặp điều ác, ác giả ác báo, gieo gió thì gặt bão, cha ăn mặn thì con khát nước; làm điều lành thì sẽ gặp điều lành, tốt đẹp, cha mẹ già để đức cho con. Do vậy mà ở Việt Nam, như Hà Thúc Minh nhận xét, tốt đạo cũng là đẹp đời mà đẹp đời cũng là tốt đạo⁽³⁾.

Và nhìn chung, theo Mác, “tình cảm tôn giáo” và không tôn giáo cùng đồng hành trong bản chất của con người như một quy luật của cuộc sống còn mê tín dị đoan là trái với bản chất ấy (phải bị loại trừ). Như vậy, giữa Đạo và Đời, vô thần và hữu thần, tín ngưỡng và khoa học, Giáo hội và Nhà nước trong chế độ ta với cái nhìn bao dung, biện chứng thì chúng hỗ trợ cho nhau vì hạnh phúc của con người nhiều hơn là loại trừ. Cho nên, “con người ở đâu cũng phải sống cân bằng giữa Đạo và Đời, cân bằng giữa tâm và vật. Ở đâu, lúc nào, mất cân bằng đó sẽ tạo nên trạng thái hụt hẫng, rối loạn”⁽⁴⁾.

Ngày nay, người ta nói về “Đạo của vật lý”, tức theo nghĩa con đường của thế giới vô hình (hạ nguyên tử) của vật chất khác vật thể. Khoa học cũng đang làm rõ hơn bí mật vật chất vô hình, các loại sóng hạt làm nên vũ trụ và con người, và ngày càng cho chúng ta rõ hơn bản chất sự sống, bản chất tinh thần, ý thức, tâm linh, sự đồng nhất giữa chủ thể và khách thể, hiện tượng thần giao cách cảm, trường sinh học, năng lượng tâm thần, những cõi sâu xa của cuộc sống con người và vũ trụ. Nhưng không phải trận địa khoa học càng rộng thì trận địa tôn giáo càng thu hẹp như nhận thức máy móc, cực tả một thời mà vấn đề tâm linh, tôn giáo sâu sắc hơn. Có thể niềm tin tôn giáo trong tuổi trẻ thời hiện đại có thể giảm nhưng tín ngưỡng về cõi vĩnh hằng, sau cái chết thì vẫn còn. Đúng là khoa học thì loại trừ mê tín, dị đoan nhưng khoa học và tín ngưỡng, tôn giáo có thể đồng hành cùng nhân loại đi tới tương lai vì mục tiêu nhân văn chủ nghĩa cao cả.

Từ những nhận thức như vậy, chúng ta kiên định lập trường duy vật biện chứng - lịch sử và vươn tới duy vật nhân văn, xem nội dung nhân văn là cốt lõi của cả Đạo và Đời. Nhưng không dừng lại ở những tinh hoa trong lịch sử, dù nó khá phong phú, nhiều chiều mà phải vươn lên tầm thời đại, chủ nghĩa nhân văn phổ quát toàn cầu ngày nay. Về mặt triết học, chúng ta có thể khẳng định rằng, chủ nghĩa duy vật nhân văn là triết học có tầm phổ quát toàn cầu mới, thế giới quan chung cho cả Đạo và Đời, mang tính chất một chủ nghĩa nhân bản, nhân đạo hiện thực, hoàn bị, có khả năng tỏa sáng nhân tâm đến cái vô cùng.

II. NHỮNG GIÁ TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN – TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI

Chiến lược bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, phát triển con người, phát triển nguồn nhân lực hôm nay muốn thành công không thể không nghiên cứu sâu con người của chủ nghĩa nhân văn Việt Nam trong xu thế chung của thời đại. Thời đại mang đến nhiều cơ hội để kế thừa, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống nhưng thời đại cũng có nhiều thách thức và nguy cơ, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa còn do các thế lực cường quyền chi phối.

Dân tộc Việt Nam tuy có những nhược điểm, khiếm khuyết của mình nhưng là một dân tộc luôn hướng tới tương lai và rất trọng truyền thống. Đó là một dân tộc có văn hiến lâu đời, anh hùng và nhân văn, tôn trọng và phát huy các giá trị nhân bản, nhân đạo, những giá trị làm người cao đẹp. Chính nhờ truyền thống đó mà dân tộc ta bất gặp và đi theo con đường của chủ nghĩa cộng sản khoa học như một cuộc hội ngộ tự nhiên của lịch sử, theo cách nói của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Và chính nhờ sức mạnh đó, ánh sáng soi đường đó mà ngày nay dù có nhiều thử thách hiểm nghèo nhưng dân tộc ta, nhân dân ta và

Đảng của chúng ta vẫn vượt qua và giành thắng lợi.

Các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam đã được Trần Văn Giàu và nhiều người khác đúc kết lại thành một hệ thống các giá trị mà các thế hệ tiếp theo cần phát huy. Phạm trù chủ nghĩa yêu nước là cốt lõi của hệ thống đó nhưng nó không chứa đựng hết các giá trị nhân văn. Phạm trù nhân nghĩa cũng không đủ. Có thể chỉ có phạm trù chủ nghĩa nhân văn - phạm trù có trong truyền thống ngôn ngữ khoa học Phương Tây, có chiều sâu triết học nhưng lại phù hợp với tinh thần triết lí, minh triết nhân nghĩa Phương Đông, mới bao quát hết được các giá trị văn hóa Việt Nam, và lại nó có thể xâu chuỗi được cả các giá trị nhân văn truyền thống và hiện đại, cả dân tộc và thời đại. Chính chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là câu nối và là phương hướng có tính phương pháp luận cho sự khái quát đó và phương hướng vận động thực tiễn hiện thực đó.

Chủ nghĩa nhân văn Việt Nam trong lịch sử có đặc điểm là thường thiên về chủ nghĩa nhân văn hành động mang tính hiện thực, ít có tính lí thuyết, luận lí như một số chủ nghĩa nhân văn khác. Chủ nghĩa nhân văn Việt Nam thường biểu hiện dưới dạng những triết lí, những tư tưởng, thể hiện các giá trị trong cuộc sống, trong công cuộc đấu tranh và xây dựng, hoặc trên lĩnh vực văn hóa, đạo đức.

Truyền thống ấy vẫn còn ảnh hưởng và chi phối trong chủ nghĩa nhân văn Việt Nam thời hiện đại. Tuy rằng thời hiện đại, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa nhân văn hiện đại mang tính lí thuyết, luận lí nhiều hơn nhưng vẫn hướng mạnh vào chủ nghĩa nhân văn hành động, chủ nghĩa nhân văn thực tiễn.

Chủ nghĩa nhân văn Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại là một dòng chảy vừa nhất quán vừa có bước nhảy vọt về chất. Để hiểu điều này, chúng ta trở lại các giá trị nhân văn trong lịch sử.

Một dân tộc có chiều dài nhiều nghìn năm chống ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập dân tộc; đoàn kết chống thiên tai; và một dân tộc trong một không gian và thời gian của nền kinh tế xã hội theo phương thức sản xuất châu Á, nằm trong văn minh lúa nước Đông Nam Á, chế độ phong kiến không điển hình, trình độ kinh tế chủ yếu là tiểu nông... đã hình thành nên con người Việt Nam và những giá trị nhân văn Việt Nam. Chính hoàn cảnh đó, con người đó, dân tộc đó đã hun đúc lên, sáng tạo và gìn giữ những giá trị nhân văn tinh tế và hiện thực, có giá trị lâu bền làm nên bản sắc, cốt cách, năng lượng và hồn sống của dân tộc trên cả bình diện thế giới quan, nhân sinh quan, nhận thức luận.

Trong lịch sử dân tộc ta, từ bản thân mình đã thể hiện tinh thần nhân văn cao cả như tinh thần yêu nước thương nòi, thương người như thể thương thân, lá lành đùm lá rách; đoàn kết toàn dân tộc, trong họ ngoài làng, nêu cao tính cộng đồng, cùng cộng khổ vì nghĩa lớn dân tộc, nhất là khi có giặc ngoại xâm hay thiên tai địch họa; sẵn lòng khoan dung, cho kẻ lầm đường trở lại cùng chính nghĩa dân tộc, đối với kẻ địch thua trận thì đối xử tử tế, cấp thuyền, cấp lương thực cho về nước, đảm bảo hòa hiếu lâu dài, tắt ngọn lửa thù hận và chiến tranh; đề cao đạo đức và cuộc sống nhân nghĩa, thủy chung, sùng kính có nhau; yêu thích thiên nhiên, mơ mộng, trọng đời sống tâm linh nhưng yêu thích cuộc sống

trần gian, hướng tới đời thực; đề cao cái đẹp, lạc quan yêu đời nhiều hơn bi lụy, kể cả khi tình thế rất hiểm nghèo...

Bên cạnh đó nhiều giá trị nhân văn ngoại lai mà dân tộc tiếp thu, tổng hợp, đồng nguyên, hòa cùng với các giá trị của dân tộc, dần dần thành các giá trị nhân văn của dân tộc, trở thành văn hóa truyền thống, như lòng từ bi, hỉ xả, cứu khổ cứu nạn của đạo Phật; tinh thần nhân nghĩa, trọng hiếu thảo trong gia đình, dòng tộc... của Khổng giáo; lòng bác ái của đạo Kitô, v.v...

Chủ nghĩa nhân văn Việt Nam mang đậm tinh thần hiện thực, nhập thế nhiều hơn, ưu trội hơn nhưng lại không bài bác hay kinh địch những giá trị tâm linh xuất thế. Cho nên, chủ nghĩa nhân văn Việt Nam là chủ nghĩa nhân văn mở, bao dung và hòa đồng. Chủ nghĩa nhân văn này vừa bình dân vừa bác học, bác học mà vẫn thông dụng với mọi người, vừa sâu sắc vừa bình dị.

Chủ nghĩa nhân văn ấy trên nền tảng của triết lí về con người và đạo làm người lâu đời của dân tộc sâu đậm trước hết trong văn hóa dân gian. Những triết lí đó là: *bàn về người nhiều hơn bàn về trời, quan tâm đến sự hiểu mình hiểu người; biết địch biết ta trăm trận trăm thắng; thức lâu mới biết đêm dài; lòng sông đo được, lòng người khó đo; ở lâu mới biết con người có nhân; đi một ngày đàng học một sàng khôn; chim có tổ người có tông; công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra; gần mực thì đen gần đèn thì rạng; gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn; cha mẹ sinh con trời sinh tính; xưa nay nhân định thắng thiên đã nhiều; đức năng thắng số; có thực mới vực được đạo; việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, quân điếu phạt trước lo trừ bạo; cha mẹ để đức cho con, người là hoa đất, người là vàng, một mặt người hơn mười mặt của, trọng nghĩa khinh tài (tiền); thiên thời - địa lợi - nhân hòa; đoàn kết là sống, chia rẽ là chết; một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ, v.v...*

Thời Cận Hiện đại và cách mạng, với tác động trực tiếp của văn minh Phương Tây, dân tộc ta cũng tiếp thu nhiều giá trị nhân văn quý báu, phù hợp với truyền thống dân tộc và xu hướng phát triển khách quan của thời đại. Những giá trị quan trọng như: tinh thần hòa bình, độc lập, tự do, bình đẳng, bác ái; dân chủ cho nhân dân, tự do cho dân tộc và tự do cho cá nhân, tự do tôn giáo, tự do ngôn luận; hạnh phúc cho con người trên nền tảng đấu tranh chống ách nô lệ, chống áp bức, bất công, bóc lột, chống chiến tranh theo thể giới quan của giai cấp công nhân là chính.

Từ khi đất nước bước sang thời kì đổi mới và xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tất cả những giá trị như: dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc cho mọi người, lợi ích tập thể hay lợi ích của cá nhân, lợi ích vật chất, kinh tế hay lợi ích tinh thần, tinh thần tập thể hay cá tính, tình cảm hay lí trí, đạo đức hay khoa học đều được đề cao. Tất nhiên, những giá trị như yêu nước, đại đoàn kết, tính cộng đồng, tình thương yêu giống nòi, thủy chung, nhân nghĩa, hay tốt Đời đẹp Đạo, tinh thần quốc tế trong sáng, lạc quan nhưng cần thiết thực, v.v... vẫn tiếp tục được tôn trọng và phát huy trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế thế giới.

Ngày nay, chúng ta hiểu biết sâu sắc, có hệ thống theo quan điểm duy vật

biện chứng, khoa học và nhân văn về con người, đạo làm người, sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người, phát triển con người tự do và toàn diện từng bước gắn với tiến trình cải tạo và xây dựng xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp với tinh hoa thời đại, khoa học và công nghệ tiên tiến.

Con người bây giờ được hiểu là một thực thể tự nhiên xã hội, một tiến trình hình thành nhân cách và phát triển tiềm năng của mình. Con người là thực thể hiện thực, trần tục có ý thức. Thế giới của con người là thế giới tự nhiên tiến hóa cao nhất; và cũng là thế giới tinh thần, cảm xúc, trí tuệ, tâm linh rất phong phú và tinh tế của con người. Con người gắn với đời sống kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa, tạo nên sức mạnh kì diệu của con người và vươn lên làm chủ số phận của mình trong sinh tồn và dựng xây cuộc sống.

Suốt chiều dài lịch sử, chính con người và đời người phải chiến đấu chống lại mọi bất hạnh, mọi thế lực trần tục và “siêu nhiên” làm tha hóa con người, đấu tranh với chính loài người của mình, với ngu dốt, nghèo đói, bệnh tật, với chính sai lầm của bản thân.

Có thể nói rằng, vấn đề nhận thức về con người, sáng tạo và đấu tranh cho những giá trị nhân văn là một quá trình. Nhưng hai vấn đề đó lại có liên hệ mật thiết với nhau. Hiểu con người, đời người, hiểu loài người và xã hội trong quan hệ tác động biện chứng nhân quả với nhau; đồng thời giữa hiểu biết và hành động của con người, cộng đồng người trong từng hình thái kinh tế xã hội lịch sử là cơ sở để hiểu các giá trị nhân văn và chính bản chất của con người.

Trong chiến lược tiếp tục phát triển công cuộc đổi mới theo chiều sâu, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, phát triển con người tự do, toàn diện chính là thẩm nhuần chủ nghĩa nhân văn Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại. Phát huy sức mạnh con người Việt Nam, những giá trị nhân văn Việt Nam chính là nguồn nội lực quyết định cho việc nước ta tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, vượt qua tình trạng nước nghèo, kém phát triển, chống mọi sự tha hóa nhân cách. Xu hướng đó lại phù hợp với trào lưu chung của nhân loại ngày nay, trào lưu nêu cao nhân tố con người, bảo vệ hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; trào lưu đề cao nhân phẩm, nhân quyền, chủ nghĩa nhân văn toàn cầu, phổ quát đối mặt với toàn cầu hóa, những thế lực mưu toan tiêu diệt những giá trị của chủ quyền quốc gia và giá trị làm người nhân danh “dân chủ”, “nhân quyền”.

Tất nhiên, cuộc đấu tranh để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người, thực hiện các giá trị nhân văn hiện thực và cao cả chỉ mới bắt đầu, chặng đường còn dài, nhưng tương lai tươi đẹp thuộc về các dân tộc và nhân dân yêu chuộng hòa bình, dân chủ, tự do, công lí và tiến bộ xã hội.

Nhìn từ góc độ lí thuyết, tư tưởng, chúng ta cần phải xây dựng một khoa học triết học về con người làm cơ sở lí luận cho nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kinh tế thị trường và hiện đại hóa đất nước mà trung tâm là thực hiện chủ nghĩa nhân văn. Chúng tôi gọi triết học đó là chủ nghĩa

duy vật nhân văn. Đó là một triết học có khả năng làm rõ hơn hệ thống quan niệm về "con người - đời người – làm người"⁽⁵⁾, tạo nên thế giới quan, phương pháp luận chung cho sự nghiệp phát triển con người, nguồn nhân lực, xây dựng một xã hội giàu có và nhân văn... Chúng ta đang cần cả tri thức triết học và tri thức khoa học về con người. Ở nước ta đã triển khai một chương trình quốc gia nghiên cứu về "Văn hóa, con người và nguồn nhân lực" do Phạm Minh Hạc làm chủ nhiệm. Chương trình này đã thu được nhiều kết quả đáng chú ý⁽⁶⁾.

Chủ nghĩa nhân văn Việt Nam ngày nay dù có tính quốc tế thế nào chăng nữa, trước hết vẫn mang đậm tính dân tộc và hiện thực của đất nước. Bất cứ một lí thuyết nào cũng đều hướng tới tính phổ quát nhưng không thể không mang đậm dấu ấn của hiện thực dân tộc và thời đại mà nó phát sinh.

Việc nghiên cứu chủ nghĩa nhân văn thực tiễn, triết lí - minh triết về con người trong văn hóa truyền thống gắn với hiện đại ở nước ta và trong nền văn minh nhân loại là nhằm cả vào mục tiêu thực tiễn và mục tiêu xây dựng nền triết học Việt Nam ngày nay^{(7)(**)}.

Chú thích

** Bài đã đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10/2007.

1. Xem thêm: Hạnh Lê. *Công giáo Việt Nam thời kì chiến tranh Việt Nam*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4, năm 2003, tr.73-74.
2. Xem: Vũ Đình Cự. *Những định hướng thời đại*. Báo *Nhân Dân*, số Tết Giáp Thân, 2004, tr.8 và 42.
3. Xem: Hà Thúc Minh. *Thế giới bên này và thế giới bên kia*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, năm 2003.
4. Xem: Phạm Đức Dương. *Thế giới tâm linh*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, năm 2003, tr.18-19.
5. Xem thêm: Hồ Bá Thâm. *Khoa học con người và phát triển nguồn nhân lực*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2003.
6. Xem thêm: *Kỉ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế về văn hoá, con người, nguồn nhân lực*. Hà Nội các ngày 27-28/11/2003, 1185 trang.
7. Xem thêm: Hồ Bá Thâm. *Khoa học con người và phát triển nguồn nhân lực*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2003; *Chủ nghĩa duy vật nhân văn và định hướng nhân văn của sự phát triển xã hội*, Nxb. Văn hoá – Thông tin, 2005; *Phương pháp luận duy vật nhân văn, nhận biết và vận dụng*, Nxb. Văn hoá – Thông tin, 2005.